

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 68/2022/DS-ST

Ngày: 27 - 5 - 2022

V/v Tranh chấp hui.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Sơn.

Ông Nguyễn Minh Trọn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 340/2021/TLST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2021 về việc “Tranh chấp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2022/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị T, sinh năm 1979 (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Mỹ N (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Châu Thành Đ, sinh năm 1985 (chồng bà Trần Thị Mỹ N) (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 7 năm 2021, nguyên đơn là bà Trần Thị T trình bày:

Vào đầu năm 2019, bà có tham gia 01 chân hui tháng mệnh giá 2.000.000 đồng và 43 chân hui ngày mệnh giá 100.000 đồng do bà Trần Thị Mỹ N làm chủ. Đến tháng 4 năm 2021 (âm lịch) bà N tuyên bố bãi hui. Đồng thời vào ngày

20/5/2021 (âm lịch) sau khi đối chiếu công nợ thì bà N có làm biên nhận xác nhận còn nợ bà tổng số tiền là 220.740.000 đồng. Bà N cam kết trả cho bà mỗi tháng 1.000.000 đồng nhưng bà không đồng ý, đến nay bà N vẫn chưa thanh toán tiền cho bà. Quá trình nợ tiền, bà N và ông Châu Thành Đ là vợ chồng, sử dụng tiền chung sinh hoạt gia đình. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Mỹ N và ông Châu Thành Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền nợ hụi là 220.740.000 đồng.

Bị đơn là bà Trần Thị Mỹ N, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Châu Thành Đ đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không cung cấp lời khai chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Bà Trần Thị T kiện yêu cầu bà Trần Thị Mỹ N và ông Châu Thành Đ có nghĩa vụ liên đới trả tiền nợ hụi. Do đó, đây là tranh chấp dân sự về việc tranh chấp hụi nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án.

Bà Trần Thị Mỹ N và ông Châu Thành Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

[2]. *Về nội dung*: Tại phiên tòa, bà Trần Thị T cho rằng vào đầu năm 2019, bà có tham gia 01 chân hụi tháng mệnh giá 2.000.000 đồng và 43 chân hụi ngày mệnh giá 100.000 đồng do bà N làm chủ. Đến tháng 4 năm 2021 (âm lịch) bà N tuyên bố bãi hụi, ngày 20/5/2021 (âm lịch) sau khi đối chiếu công nợ thì bà N có làm biên nhận xác nhận còn nợ bà tổng số tiền là 220.740.000 đồng. Bà N cam kết mỗi tháng trả cho bà 1.000.000 đồng nhưng bà N vẫn không trả. Như vậy, tổng số tiền bà N còn nợ bà là 220.740.000 đồng.

[3]. *Về chứng cứ, chứng minh*: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà Trần Thị T có cung cấp biên nhận đề ngày 20/5/2021 (âm lịch) với nội dung “*Tôi tên: Trần Thị Mỹ N có thiếu chế Tươi số tiền là 220.740.000 đ (Hai trăm hai mươi triệu bảy trăm bốn chục), hàng tháng vào ngày 20 âm lịch em sẽ trả cho chế Tươi số tiền là 1.000.000 đồng (một triệu đồng)*”. Bà N có ký tên và ghi rõ họ và tên vào biên nhận.

[4]. Quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị Mỹ N, ông Châu Thành Đ vắng mặt nhiều lần, không cung cấp lời khai chứng cứ cho Tòa án xem xét.

[5]. Nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên ông Châu Thành Đ phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà Trần Thị Mỹ N trả cho bà Trần Thị T như nội dung bà Trần Thị T đã yêu cầu.

[6]. Từ những phân tích và nhận định nêu trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Trần Thị T.

[7]. Về án phí: Do yêu cầu của bà Trần Thị T được chấp nhận nên bà Trần Thị T không phải chịu án phí. Bà Trần Thị Mỹ N và ông Châu Thành Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ Tuật tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật Dân sự; tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T.

Buộc bà Trần Thị Mỹ N và ông Châu Thành Đ cùng liên đới trả cho bà Trần Thị T số tiền nợ hui là 220.740.000 đồng (hai trăm hai mươi triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Trần Thị Mỹ N và ông Châu Thành Đ cùng liên đới chịu 11.037.000 đồng (mười một triệu không trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

Bà Trần Thị T được nhận lại số tiền 5.519.000 đồng (năm triệu năm trăm mười chín nghìn đồng) tại Biên lai số 0012565 ngày 16/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV&THA;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Phước